

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ  
KINGDOORS**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KINGDOORS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KINGDOORS SERVICES TRADING AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108555455

**3. Ngày thành lập:** 19/12/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

số 2, ngách 20, ngõ Trại Cá, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                             | 4330     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                      | 4322     |
| 3.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                    | 4102     |
| 4.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                         | 4223     |
| 5.  | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                            | 4292     |
| 6.  | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                      | 4293     |
| 7.  | Phá dỡ                                                                                                     | 4311     |
| 8.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                   | 4291     |
| 9.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                    | 3320     |
| 10. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                               | 2592     |
| 11. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                              | 3100     |
| 12. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                    | 1622     |
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                    | 4663     |
| 14. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự. | 4649     |
| 15. | In ấn                                                                                                      | 1811     |
| 16. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                        | 4390     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.                                                                                                                                                                                                  | 8299        |
| 18. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Thi công nhôm kính, kính an toàn, kính cường lực                                                                                                                                                                                                                                          | 4329        |
| 19. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4101(Chính) |
| 20. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4222        |
| 21. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4312        |
| 22. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1621        |
| 23. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1420        |
| 24. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1430        |
| 25. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Trang trí nội thất công trình                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7410        |
| 26. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4212        |
| 27. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4321        |
| 28. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                                   | 1629        |
| 29. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7310        |
| 30. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8230        |
| 31. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình.<br>- Giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng<br>- Tư vấn quản lý dự án<br>- Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng<br>- Khảo sát xây dựng<br>- Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình(hạng 2)        | 7110        |
| 32. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ tư vấn đầu thầu như: Lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đánh giá tác động môi trường. | 7020        |
| 33. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                       | 4752        |
| 34. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5610        |
| 35. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5621        |
| 36. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                             | 7730        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 37. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                                                     | 4610 |
| 38. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                           | 4211 |
| 39. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221 |
| 40. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất nhôm kính, cửa sắt, cửa inox                                                     | 2599 |
| 41. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                          | 1410 |
| 42. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                    | 4641 |
| 43. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 44. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 45. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                       | 8129 |
| 46. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                   | 8130 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức           | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐẶNG VĂN QUANG | số 2, ngách 20, ngõ Trại Cá, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 90.000     | 900.000.000           | 30,000    | 013003095                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                                | Tổng số           | 90.000     | 900.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ VĂN LỰC     | Xóm Tam Thịnh, Xã Thịnh Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam                         | Cổ phần phổ thông | 30.000     | 300.000.000           | 10,000    | 187005450                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                                | Tổng số           | 30.000     | 300.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |               |                                                                                    |                         |         |               |        |           |  |
|---|---------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------|---------------|--------|-----------|--|
| 3 | NGÔ TRÍ THỊNH | Xóm Trung Bắc,<br>Xã Quang Thành,<br>Huyện Yên<br>Thành, Tỉnh Nghệ<br>An, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 180.000 | 1.800.000.000 | 60,000 | 187084976 |  |
|   |               |                                                                                    | Tổng số                 | 180.000 | 1.800.000.000 | 60,000 |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGÔ TRÍ THỊNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/02/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 187084976

Ngày cấp: 08/01/2009

Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Trung Bắc, Xã Quang Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Trung Bắc, Xã Quang Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội